

Ninh Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC BAN HÀNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG THÊM TIỀN LƯƠNG
(H_{đc}) LÀM CƠ SỞ XÁC ĐỊNH CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG, CHI PHÍ NHÂN CÔNG TRONG GIÁ, ĐƠN GIÁ SẢN
PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO DOANH NGHIỆP THỰC
HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 78/2025/NĐ-CP. Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình lập Hồ sơ dự thảo Quyết định “về việc ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{đc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình” và đã tổ chức lấy ý kiến tham gia đóng góp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 135 cơ quan (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; 05 Sở; 129 xã phường;).

- Đến ngày 24/11/2025 nhận được 75 ý kiến gửi về, trong đó:
 - + 69 cơ quan, đơn vị nhất trí.
 - + 06 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia góp ý.
- Đến ngày 24/11/2025 chưa nhận được ý kiến của 60 cơ quan, đơn vị.

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH, NHÓM VẤN ĐỀ	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Thẩm quyền ban hành	Sở Tư pháp	- Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện: “Điều 3. Căn cứ xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công 1. Chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được xác định căn cứ vào định mức lao động (thuộc định mức kinh tế kỹ thuật, định mức nhân công, định mức chi phí) do Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, tiền lương và chi phí khác của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ, lao động quản lý doanh nghiệp tham gia thực hiện sản phẩm, dịch vụ công.” - Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: “Điều 4. Xác định tiền lương của lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ 4. ML_{thi}: là mức lương theo tháng của chức danh, công việc thứ i trong từng loại lao động tính trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công, được xác định theo công thức sau: $ML_{thi} = (H_{cbi} + H_{pci}) \times ML_{cs} \times (1 + H_{đc}) \quad (2)$ Trong đó: d) H_{đc}: là hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương do các Bộ,	

		ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nhưng không vượt quá hệ số 1,2 đối với địa bàn thuộc vùng I; không quá hệ số 0,9 đối với địa bàn thuộc vùng II; không quá hệ số 0,7 đối với địa bàn thuộc vùng III và không quá hệ số 0,5 đối với địa bàn thuộc vùng IV. Địa bàn thuộc vùng I, II, III, IV được thực hiện theo địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.” Như vậy, UBND tỉnh có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	
Nội dung		- Đề nghị bỏ gạch chân bên dưới tên dự thảo Quyết định cho phù hợp theo mẫu số 19 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Tại căn cứ ban hành thứ 3, 4, 5, đề nghị cơ quan soạn thảo viện dẫn cho đúng theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau: “Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ...” - Tại phần Nơi nhận, đề nghị sửa thành: “Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;” cho phù hợp với Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. - Theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: “Điều 9. Điều khoản thi hành 4. Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã được giao nhiệm vụ, ký hợp đồng đặt hàng hoặc đấu thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được thực hiện như sau:	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định

		a) Sản phẩm, dịch vụ công đã được nghiệm thu, thanh lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không xem xét, điều chỉnh lại chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại Thông tư này. b) Sản phẩm, dịch vụ công đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà vẫn đang trong giai đoạn thực hiện thì thực hiện rà soát, điều chỉnh lại chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công tương ứng với khối lượng sản phẩm, dịch vụ thực hiện từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 trở đi theo quy định tại Thông tư này.” Đây là việc quy định điều khoản chuyển tiếp áp dụng đối với Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ quy định tại Điều 5 dự thảo. - Tại Điều 6 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung một khoản như sau: “Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:...” Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và bổ sung các Quyết định hết hiệu lực của 3 tỉnh cũ trước khi sắp xếp.	
Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị quyết		Đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Quyết định của UBND tỉnh theo đúng quy định từ Điều 49 đến Điều 51 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	
Nội dung	Sở Tài chính	Tại Dự thảo Tờ trình, Sở Nội vụ đề xuất lựa chọn phương án 1. Đây là mức tối đa theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội. Đồng thời, giải trình lý do lựa chọn phương án: Việc xác định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{đc}) theo Phương án 1 nhằm bảo đảm quyền lợi, thu nhập của người lao động bằng hoặc cao hơn so với quy định trước đây. Cụ thể, người lao động thuộc 76 phường, xã có mức tiền lương tăng và 53 xã có mức tiền lương không thay đổi. Như vậy, người lao động không bị giảm tiền lương khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, đồng thời bảo	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo. Lý do: Theo phương án này (hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{đc}) vùng II là 0,7; vùng III là 0,6; vùng IV là 0,5) bảo đảm hài hòa giữa quyền lợi của người lao động và khả năng cân đối ngân

		đảm sự ổn định và hợp lý trong chính sách tiền lương trên địa bàn tỉnh. Sở Tài chính có ý kiến về các phương án như sau: Đối với phương án 1 đảm bảo quyền lợi của người lao động nhưng có tác động không nhỏ đến cân đối ngân sách địa phương đối với việc chi trả các dịch vụ công. Đối với phương án 2 có sự chênh lệch lớn giữa hệ số vùng II và vùng IV; Phương án 3 hệ số tuy không gây tác động lớn đến ngân sách địa phương nhưng làm giảm tiền lương, thu nhập của người lao động, đặc biệt là người lao động trực tiếp tại các vùng III và vùng IV. Ninh Bình là tỉnh mới được sáp nhập từ 03 tỉnh: Nam Định, Hà Nam và Ninh Bình, để đảm bảo ổn định trong cân đối ngân sách, tỉnh cần ban hành chính sách bảo đảm hài hòa giữa khả năng cân đối ngân sách và quyền lợi của người lao động. Do vậy, Căn cứ, quy định của các tỉnh (cũ) đã ban hành và để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu quy định theo hướng: - Vùng II: 0,7 - Vùng III: 0,6 - Vùng IV: 0,5 Với các hệ số trên về cơ bản không thay đổi nhiều so với các mức đã quy định tại các tỉnh trước đây. Đồng thời, không có sự chênh lệch nhiều giữa các vùng, đảm bảo lợi ích của người lao động giữa các vùng trong tỉnh.	sách của tỉnh. Theo đó, chỉ có 16 phường, xã có mức tiền lương giảm; trong khi 57 phường, xã có mức tiền lương tăng và 56 phường, xã giữ nguyên mức tiền lương. Do đó, phương án này hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến thu nhập người lao động, bảo đảm ổn định chính sách tiền lương trên địa bàn tỉnh mà vẫn phù hợp nguồn lực ngân sách của tỉnh.
Nội dung	Sở Xây dựng	Việc xác định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương cần được xem xét, tính toán đảm bảo sự hợp lý giữa các địa phương, phù hợp với đời sống người lao động, đồng thời đáp ứng mức chi phí sinh hoạt phù hợp với mặt bằng tiền lương trên thị trường và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Sở Xây dựng cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Quyết định và đề xuất lựa chọn phương án 2. Đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, bổ sung nội dung so sánh hệ số	Chưa tiếp thu Lý do: Lựa chọn phương án 2, người lao động thuộc 57 phường, xã có mức tiền lương giảm, 57 phường, xã có mức tiền lương tăng và 15 xã có mức tiền lương không

		điều chỉnh tăng thêm với các tỉnh lân cận trên cơ sở đánh giá về điều kiện kinh tế - xã hội (như: Hưng Yên, Hà Nội...); đồng thời đối chiếu thêm với các lĩnh vực Dịch vụ sự nghiệp công đô thị - trước đây là dịch vụ công ích đô thị (như: Dịch vụ cây xanh đô thị, Dịch vụ chiếu sáng đô thị...), Dịch vụ quản lý, bảo trì, duy tu các công trình giao thông trong nội dung dự thảo Tờ trình; do đây là các dịch vụ được triển khai thường xuyên với khối lượng lớn trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, đề nghị Sở Nội vụ báo cáo Bộ Nội vụ xem xét sửa đổi Thông tư 17/2019/TT-BLĐTBXH phù hợp với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (cụ thể: Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay; Dịch vụ chiếu sáng đô thị hiện nay là Dịch vụ sự nghiệp công, không phải là Dịch vụ công ích như quy định trước).	thay đổi. Đối với phương án 2 có sự chênh lệch lớn giữa hệ số vùng II và vùng IV.
Nội dung	Sở Khoa học và Công nghệ	- Về dự thảo Tờ trình của Sở Nội vụ: Đề nghị Ban soạn thảo xem lại tên cơ quan ban hành Tờ trình là “Sở Nội vụ”, không phải là “Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình”. Số ký hiệu của văn bản là “Số...../TTr-SNV”. - Về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại thể thức và kỹ thuật trình bày Quyết định quy phạm pháp luật theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau: + Bỏ cụm từ “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH” dưới tên loại và trích yếu nội dung của Quyết định. + Thêm dòng cuối cùng của phần căn cứ: “Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{đc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công	Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định.

		trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.”. + Bỏ từ “QUYẾT ĐỊNH:” trước Điều 1. + Chỗ “Nơi nhận”: Phần liệt kê các cơ quan, đơn vị nhận văn bản được trình bày cỡ chữ 11, Chỗ Lưu VT, VP7, thêm dấu “ : ” sau từ Lưu.	
Nội dung	Phường Nam Định	Lựa chọn phương án 3: + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng II là 0,6; + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng III là 0,4; + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng IV là 0,2;	Chưa tiếp thu. Lý do: Lựa chọn phương án 3 làm giảm tiền lương người lao động của 72 xã, phường. Tiền lương của người lao động bị giảm, có thể ảnh hưởng đến đời sống, tâm lý và năng suất lao động, đồng thời chưa bảo đảm tính ổn định của chính sách tiền lương trên địa bàn tỉnh, chưa đáp ứng yêu cầu duy trì thu nhập, cải thiện đời sống người lao động trong điều kiện giá cả và chi phí sinh hoạt ngày càng tăng.
Nội dung	Xã Hải Quang:	Lựa chọn phương án 2: + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng II là 0,8; + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng III là 0,6; + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương ($H_{đc}$) vùng IV là 0,4	Chưa tiếp thu. Lý do: Lựa chọn phương án 2, người lao động thuộc 57 phường, xã có mức tiền lương giảm, 57 phường, xã có mức tiền lương tăng và 15 xã có mức tiền lương không

			thay đổi. Đối với phương án 2 có sự chênh lệch lớn giữa hệ số vùng II và vùng IV.
CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG NHẬT TRÍ DỰ THẢO HỒ SƠ QUYẾT ĐỊNH			
	1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương không bổ sung ý kiến, nhất trí dự thảo Quyết định: - Sở Nông nghiệp và Môi trường. - UBND các xã, phường: Xã Vĩnh Trụ, Xã Bình Minh, Xã Bình Lục, Phường Duy Hà, Xã Nam Xang, Xã Lai Thành, Xã Vạn Thắng, Xã Phong Doanh, Xã Hải An, Phường Trung Sơn, Phường Phủ Lý, Xã Rạng Đông, Phường Thiên Trường, Xã Yên Đồng, Xã Chát Bình, Xã Bình Giang, Phường Mỹ Lộc, Phường Đồng Văn, Xã Nghĩa Hưng, Xã Trần Thương, Xã Yên Khánh, Xã Hiến Khánh, Xã Yên Cường, Xã Cúc Phương, Xã Yên Từ, Xã Đại Hoàng, Xã Phát Diệm, Xã Minh Tân, Xã Nho Quan, Xã Kim Đông, Xã Bắc Lý, Xã Xuân Giang, Xã Ninh Cường, Xã Gia Hưng, Xã Đồng Thái, Xã Nam Lý, Xã Gia Lâm, Xã Giao Thủy, Xã Cát Thành, Xã Ninh Giang, Xã Tân Thanh, Xã Giao Hưng, Phường Hà Nam, Phường Kim Sơn, Phường Đông Hoa Lư, Xã Quỹ Nhất, Xã Thanh Liêm, Xã Nghĩa Sơn, Xã Gia Vân, Xã Giao Bình, Phường Hoa Lư, Xã Vụ Bản, Phường Thành Nam, Xã Quỳnh Lưu, Xã Nho Quan, Phường Tiên Sơn, Phường Duy Tiên, Xã Bình An, Phường Tam Điệp, Phường Liêm Tuyền, Xã Phú Sơn, Xã Nam Đồng, Xã Giao Phúc, Phường Hồng Quang, Phường Trường Thi, Xã Phú Long, Phường Đông A, Xã Liên Minh.		
	2. Cổng thông tin điện tử của tỉnh: Không nhận được ý kiến đóng góp		

Trên đây là Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về Hồ sơ dự thảo Quyết định “về việc ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (H_{dc}) làm cơ sở xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình./.